BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỄN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM
LỚP 20CCA - CHỨNG CHỈ TIN HỌC A

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	ĐIỂM				GHI CHÚ
						Power Point	KN Đánh máy	Trắc nghiệm	Thực hành	
1	12560025	Lại Thị Kim	Anh	10/01/1994		7.0	7.5	8.6	7.3	
2	12520594	Phan Thị Hồng	Đào	30/09/1994		6.0	6.5	8.2	7.5	
3	10520579	Phan Thị Ngọc	Dung	20/12/1992						
4	12520591	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20/06/1992		6.0	6.0	8.2	7.5	
5	12520494	Lê Thị Thùy	Dương	04/10/1994		7.0	7.0	7.8	6.5	
6	12720893	Đoàn Thị Thùy	Dương	09/10/1993		6.0	6.0	9.6	6.0	
7	12520490	Lê Thị Mỹ	Duyên	02/03/1994		6.0	5.0	6.8	4.3	
8	12520604	Phạm Thị	Hân	20/12/1994		6.0	6.0	7.4	8.5	
9	10420085	Trần Thị Xuân	Hằng	02/12/1992		5.0	5.0	9.0	4.0	
10	12520608	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/03/2014		7.0	6.0	7.6	8.0	
11	12520613	Võ Thị	Hồng	28/08/1994		6.0	6.0	9.2	8.0	
12	12520612	Đặng Thị Bé	Hồng	30/08/1994		6.0	5.0	7.8	5.0	
13	12520514	Trương Minh	Hương	26/06/1994		6.0	5.0	6.6	5.5	
14	12520509	Phan Thị Ngọc	Huyền	02/03/1994		6.0	6.0	8.2	7.8	
15	12520620	Nguyễn Duy	Khánh	24/04/1994		7.0	7.5	8.8	6.0	
16	12520624	Lý Lương	Lâm	21/08/1994		7.0	10	8.8	7.0	
17	12520522	Lê Thị Ngọc	Mai	07/10/1994		6.0	6.0	8.8	6.3	
18	12520638	Nguyễn Thị Tiểu	My	01/03/1994		6.0	5.0	6.2	5.0	
19	12520540	Lê Thị Mỹ	Nhi	09/06/1994		6.0	5.0	9.4	5.0	
20	12520647	Lương Thị	Nhung	27/12/1993		6.0	5.0	6.8	5.0	
21	12520648	Phạm Thị Tuyết	Nhung	20/07/1993		6.0	5.0	6.6	5.0	
22	12520639	Ngô Thị Hải	Ninh	24/11/1994		6.0	6.0	6.8	5.0	
23	12720816	Nguyễn Ngọc	Nữ	15/01/1994		6.0	5.0	7.4	5.0	
24	12520551	Huỳnh Ngọc Thanh	Phương	17/05/1995		7.0	6.0	7.6	7.0	
25	12520660	Đinh Lưu Như	Quỳnh	10/03/1994		6.0	5.0	7.6	6.3	
26	12720836	Võ Thị	Salyha	15/12/1993		5.0	6.0	8.6	5.0	
27	10520287	Phạm Thúy	Sâm	10/11/1992		5.0	5.0	8.2	5.3	
28	10420878	Nguyễn Hữu	Tài	20/03/1991		7.0	7.5	6.2	7.3	
29	12520554	Dương Thị Thu	Tâm	01/12/1993		6.0	5.0	7.4	5.0	
30	12720850	Trần Chung	Thành	17/11/1993						
31	12520676	Huỳnh Thị Kim	Thảo	15/04/1994		6.0	5.0	6.2	4.0	
32	12520683	Võ Thị	Thu	10/10/1994		6.0	6.0	5.6	4.0	
33	12520566	Đỗ Huỳnh Anh	Thư	06/07/2014		7.0	7.0	8.6	6.0	
34	12520555	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	02/04/1994						
35	12520575	Trần Hoàng Phương	Trâm	26/07/1994		7.0	6.0	8.2	8.0	
36	12520570	Phạm Thị Mỹ	Trang	05/06/1994		8.0	5.0	8.8	4.5	
37	12520692	Lê Thị Quỳnh	Trang	07/12/1994						
38	12520693	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	16/06/1994		6.0	6.0	8.2	4.5	
39	12520699	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	07/11/1994		6.0	6.0	8.2	7.0	
40	12720997	Trương Quốc	Trung	08/09/1994		6.0	6.0	5.2	7.0	
41	12520703	Trần Ngọc Hà	Uyên	27/09/1994		6.0	6.5	7.4	4.5	
42	12520584	Võ Đặng Yến	Vy	04/10/1994		6.0	6.0	8.8	5.3	
43	12520582	Trần Thị Bảo	Vy	13/05/1994		6.0	6.0	8.4	5.0	

Sĩ số: 43 Hiện diện: 39 Tổng số trang: 02

Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi.

Phòng Đào tạo không công nhận điểm đối với trường hợp GV ghi thêm (viết tay) tên HSSV vào bảng điểm này.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 6 năm 2015

CÁN BỘ CHẤM THI 2
(Ký ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Đặng Thế Vinh

CÁN BỘ CHẤM THI 1
(Ký ghi rõ họ, tên)

Huỳnh Văn Thanh